

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TT
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM - ST

Ngày 25/4/2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TT, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hằng và ông Lê Bá Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký tòa án nhân dân thị xã TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TT: Ông Trần Danh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2024, tại Tòa án nhân dân thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST-DS ngày 11/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 08/4/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần phát triển C; địa chỉ: Tầng 3, nhà A8, KTT HVHC Quốc Gia, phường H, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh Q1 – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH PQ theo văn bản ủy quyền số 36/ UQTT/2023 ngày 28/9/2023. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Q2. Người nhận ủy quyền lại: Ông Lê Huy C – nhân viên công ty luật TNHH PQ theo văn bản ủy quyền số 39/UQTT/2023 ngày 28/9/2023. Có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần bê tông TLBN; địa chỉ: Thôn Tr, xã T, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Sơn – Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần phát triển C (gọi tắt là công ty C) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101811392 đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty cổ phần bê tông TLBN (gọi tắt là công ty TL) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300897095 đăng ký lần đầu ngày

06/10/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp. Ngày 09/4/2019, công ty C và công ty TL ký kết hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT- PGC về việc mua bán các loại phụ gia bê tông. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty cổ phần phát triển C đã giao hàng đầy đủ, đúng chất lượng, theo đúng quy định của hợp đồng và xuất hoá đơn GTGT cho công ty cổ phần bê tông TLBN. Tổng số hoá đơn công ty C đã xuất cho công ty TL là 16 hoá đơn với tổng số tiền là 1.697.960.000đ. Như vậy xác định số tiền mà công ty TL phải trả công ty C là 1.697.960.000đ. Công ty TL đã thanh toán trả công ty C được 15 lần (lần cuối cùng thanh toán là ngày 10/01/2022) với tổng số tiền là 1.260.050.000đ. Như vậy công ty TL còn nợ công ty C 437.910.000đ. Ngày 30/6/2022 và ngày 30/11/2022 công ty C và công ty TL đã đối chiếu nợ với nhau. Công ty TL xác định còn nợ số tiền là 437.910.000đ. Sau khi đối chiếu công nợ thì công ty TL có đề nghị gia hạn trả nợ ngày 29/11/2022, cam kết trả nợ vào thời điểm trước tết nguyên đán năm 2023. Tuy nhiên, công ty C không đồng ý với việc xin gia hạn trả nợ của công ty TL nên đã không trả lời bằng văn bản. Công ty C đã nhiều lần yêu cầu công ty TL trả nợ. Đến thời điểm ngày 11/12/2023 là thời điểm toà án thụ lý vụ án, công ty TL vẫn không trả được bất kỳ khoản tiền nào trong tổng số tiền hai bên đã chốt nợ. Do vậy, đề nghị toà án buộc công ty TL phải trả công ty C số tiền gốc còn nợ là 437.910.000đ.

Do hai bên có thoả thuận phương thức thanh toán và lãi suất trong hợp đồng tại điều 3 các mục 3.1.1 và 3.1.2. Nên công ty C đề nghị toà án buộc công ty cổ phần bê tông TLBN có trách nhiệm trả tiền lãi tính trên tổng số tiền của từng hoá đơn chậm thanh toán. Theo trình bày trong đơn khởi kiện, công ty C đã tính lãi từ ngày 10/01/2022 đến 26/9/2023, số tiền lãi là 144.618.277đ. Công ty C đính chính lại thời điểm tính lãi là ngày 24/8/2019 là 56 ngày sau ngày xuất hoá đơn đầu tiên mà công ty TL không thanh toán tiền. Công ty C yêu cầu công ty TL tiếp tục trả lãi theo phương thức trên đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Tính đến ngày 25/4/2024, số tiền lãi mà công ty TL có nghĩa vụ trả công ty C là 117.872.546đ. Tổng gốc và lãi là 555.782.546đ.

Bị đơn là đại diện công ty TL vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án công ty TL trình bày: Công ty cổ phần bê tông TLBN đã thực hiện việc mua bán hàng của công ty cổ phần phát triển C và còn nợ số tiền gốc như trong đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Lý do công ty TL chưa thanh toán được cho công ty C là do trong quá trình hoạt động đơn vị đã cung cấp hàng (bê tông thương phẩm) cho các nhà thầu xây dựng các dự án tại địa phương như Dự án cầu Phật Tích, Dự án nút giao Tây Nam thành phố Bắc Ninh...nhưng các nhà thầu này chưa thanh toán tiền trả công ty Thăng Long. Hiện công nợ công ty TL phải thu của các đối tác trên lên đến gần 10 tỷ đồng. Cộng với thời gian dừng nghỉ do dịch Covid nên công ty TL không còn tài chính để duy trì hoạt động. Do vậy, hiện tại công ty TL phải để các cán bộ chủ chốt đi làm ở các đơn vị khác trong khi vẫn phải theo dõi phần công nợ trước đây để có nguồn trả lương, trả nợ cho CBNV và đối tác, nhà cung cấp trong đó có công ty C. Công ty TL cam kết trả nợ cho công ty C trước khi

chi trả cho các cổ đông của công ty TL.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng đại diện bị đơn vắng mặt nên không hoà giải thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 30, các điều 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

Chấp nhận toàn bộ đề nghị của nguyên đơn. Buộc bị đơn là công ty cổ phần bê tông TLBN có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là 437.910.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/4/2024 là 117.872.546đ

Án phí: bị đơn phải chi toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT – PGC ngày 09/4/2019. Nguyên đơn, bị đơn đều có đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại năm 2019. Quá trình thụ lý vụ án, Thẩm phán xác định vụ án này là tranh chấp dân sự và thụ lý án Dân sự là chưa phù hợp. Ngày 28/02/2024, Tòa án đã thông báo về việc chuyển loại án đối với vụ án này từ Dân sự sang Kinh doanh thương mại.

Theo quy định tại Điều 5 hợp đồng đã ký giữa công ty C và công ty TL các bên lựa chọn Tòa kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là nơi giải quyết vụ án khi phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, lựa chọn tòa án của các bên không phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền của tòa án theo cấp và theo lãnh thổ. Vì vậy thỏa thuận này vô hiệu. Bị đơn là công ty bê tông TLBN có địa chỉ trụ sở theo giấy đăng ký kinh doanh tại thôn Tr, xã T, huyện TT nay là thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thị xã TT theo quy định khoản 1 Điều 30, điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thị xã TT thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Bị đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là công ty cổ phần phát triển C yêu cầu Công ty bê tông TLBN thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT- PGC ngày 09/4/2019. Trong đó tiền gốc là 437.910.000đ, tiền lãi tính đến ngày 25/4/2024 là 117.872.546đ.

2.1. Xét tính pháp lý của hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT- PGC.

Hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT- PGC được người đại diện công ty cổ phần phát triển C và công ty cổ phần bê tông TLBN ký kết ngày 09/4/2019 trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của hai bên giao kết, vì mục đích lợi nhuận. Nội dung, mục đích của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Hình thức hợp đồng đảm bảo theo quy định của pháp luật, có chữ ký và dấu của 2 công ty. Vì vậy hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 Luật thương mại nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền gốc:

Ngày 09/4/2019, công ty C và công ty TL ký kết hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT- PGC về việc mua bán các loại phụ gia bê tông. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty cổ phần phát triển C đã giao hàng đầy đủ, đúng chất lượng, theo đúng quy định của hợp đồng và xuất hoá đơn GTGT cho công ty cổ phần bê tông TLBN. Trên mỗi hoá đơn đều ghi đầy đủ số lượng, chủng loại hàng hoá và giá tiền. Tổng số hoá đơn công ty C đã xuất cho công ty TL là 16 hoá đơn với tổng số tiền là 1.697.960.000đ. Như vậy xác định số tiền mà công ty TL phải trả công ty C là 1.697.960.000đ. Công ty TL đã thanh toán trả công ty C được 15 lần (lần cuối cùng thanh toán là ngày 10/01/2022) với tổng số tiền là 1.260.050.000đ. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2022 và ngày 30/11/2022 xác định công ty TL còn nợ công ty C 437.910.000đ. Ngày 29/11/2022, công ty TL có văn bản gửi công ty C xin gia hạn thanh toán đến sau tết nguyên đán năm 2023. Tuy nhiên, công ty C không có văn bản chấp nhận gia hạn. Đến thời điểm toà án thụ lý vụ án là ngày 11/12/2023, công ty TL vẫn không thanh toán tiền trả công ty C. Do đó, công ty C khởi kiện yêu cầu công ty TL trả số tiền gốc còn nợ là 437.910.000đ là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi: Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, công ty C yêu cầu công ty TL phải thanh toán tiền lãi theo hợp đồng kinh tế đã ký giữa 2 bên.

Tại Điều 3, mục 3.11 và 3.12 hợp đồng kinh tế số 02KD/2019/HĐKT- PGC được công ty C và công ty TL ký kết ngày 09/4/2019 thể hiện:

3.11. “Hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng hai bên cùng nhau tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh trong tháng để làm căn cứ cho

bên B phát hành hoá đơn GTGT cho bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B 100% giá trị lô hàng trong vòng 45 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn”

3.12. Trường hợp thanh toán chậm quá 10 ngày bên A phải chịu thêm lãi suất trả chậm quá hạn theo lãi suất tiền gửi 12 tháng của ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam trên tổng số tiền nợ quá hạn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 6,15%/ năm (lãi trong hạn = 4,1%/ năm x 150% = 6,15%/ năm) tính từ ngày 24/8/2019 là ngày nguyên đơn xác định bị đơn vi phạm lần đầu tiên. Nguyên đơn giao nộp cho toà án bảng tính lãi chi tiết.

Bị đơn không có ý kiến cụ thể nào về phần lãi như nguyên đơn yêu cầu nên xác định bị đơn chấp nhận mức lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng.

Qua xác minh tại ngân hàng Vietcombank thấy, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cá nhân từ ngày 01/01/2019 là đến tháng 4/2024 dao động từ mức 6,8% xuống 4,6%. Mức lãi suất công ty C yêu cầu công ty TL phải trả theo bảng tính lãi suất chậm thanh toán là 4,1% là phù hợp.

Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn tự nguyện thoả thuận ký kết hợp đồng, không có sự lừa dối, đe dọa. Trên hợp đồng đã ghi rõ nghĩa vụ về lãi suất và mức lãi suất của ngân hàng cụ thể khi áp dụng. Như vậy, xác định yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3]. Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, 50, 306 Luật thương mại năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là công ty cổ phần bê tông TLBN thanh toán trả công ty cổ phần phát triển C số tiền gốc còn nợ là 437.910.000đ và tiền lãi tính đến ngày 25/4/2024 là 117.872.546đ. Tổng số tiền là 555.782.546đ.

Kể từ ngày 26/4/2024 công ty cổ phần bê tông TLBN còn phải tiếp tục chịu toàn bộ lãi phát sinh tính trên số tiền gốc đến ngày thực trả theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Công ty cổ phần bê tông TL phải chịu 26.231.301đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại công ty cổ phần phát triển C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.650.000đ theo biên lai thu số 0003458 ngày 17/11/2023 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS thị xã TT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

